

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/ 11 /2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn,

Tranh chấp tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG, TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Briu Mỹ

2. Ông Cơ Lâu Hoài

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bơ nước Rê - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông A Ting Vót - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị A rất Thị Ph, sinh năm 1997. “có mặt”

Địa chỉ: Thôn AC, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Anh Arát Nh, sinh năm 1987. “có mặt”

Địa chỉ: Thôn AC, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Arâl Bh1; tên gọi khác (Arát Bh1a), sinh năm 1980 “có mặt”

- Anh Arâl Bh2; tên gọi khác (Arát Bh1b) , sinh năm 1983 “có mặt”

- Anh Arát Bh3; tên gọi khác (Arâl Bh1c) , sinh năm 1995 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn Ar, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

4. Người phiên dịch:

Ông Pơ Loong Nhuôm; Đơn vị công tác Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Giang là người phiên dịch tiếng Cơ tu cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, tờ tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Arát Thị Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh kết hôn vào ngày 29/9/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Arát Nh hay uống rượu và nghi ngờ chị ngoại tình với người khác từ đó anh đánh đập chị, chị khuyên nhiều lần nhưng anh Nh không thay đổi tính tình. Vào tháng 4 năm 2019 anh Nh đánh đập chị Ph nên chị bỏ nhà đi.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên Chị Arát Thị Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A rất Nh.

Về con chung: Chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu trên, chị Arát Thị Ph không có yêu cầu gì khác.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa. Bị đơn anh Arát Nh trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Arát Thị Ph là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị Ph trình bày, anh thừa nhận có uống rượu nhưng không thường xuyên. Giữa vợ chồng anh mâu thuẫn bắt nguồn từ việc chị Ph ngoại tình với người đàn ông khác tại xã Hòa B, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong khi đi làm công nhân ở khu công nghiệp Hòa Khánh. Anh Nh khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị Ph không nghe nên anh có đánh chị Ph mấy lần. Chị Ph bỏ nhà đi và làm đơn xin ly hôn anh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Ph yêu cầu ly hôn thì anh Arát Nh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Nhưng nếu chị Ph cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh A rất Nh và chị Arát Thị Ph không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về của cải, lễ vật khi cưới: Khi cưới anh A rất Nh và bên nhà trai đã tặng cho bên nhà chị Ph gồm: Heo 14 con, trong đó loại 60kg là 08 con, loại 50 kg là 06 con, Bò cái 01 con, Chiêng đồng 1 cái, Ché thường 24 cái, Ché ba chi loại lớn 01 cái, Ché ba chi loại nhỏ 01 cái, Chum xua 01 cái. Chiếu nhựa 80 cái, Dây mã não ba chi 25 dây, Dây mã não thường 100 dây, Chén ba chi 750 cái, Chén loại thường 400 cái, Đĩa loại thường 200 cái. Anh Nh yêu cầu chị Ph và các anh Arát Bh1, Arát Bh2, Arát Bh3 (là các anh ruột của chị Ph) phải trả lại số của cải nói trên.

Ngoài yêu cầu trên, anh Arát Nh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Arát Bh1, Arát Bh2 và Arát Bh3 thống nhất trình bày:

Các anh là anh ruột của chị A rất Thị Ph, khi chị Ph và anh Nh tổ chức đám cưới, bên họ nhà trai và anh Nh có tặng cho ba anh em những tài sản và lễ vật gồm có: Heo 11 con, Bò cái 01 con, Chiêng xua 01 cái, Ché thường không biết bao nhiêu cái, Ché loại Ba chi gồm 01 ché lớn và 01 ché nhỏ, Chum 01 cái, Chiếu nhựa không biết bao nhiêu cái, Dây mã não loại

thường không biết bao nhiêu dây, Chén Ba chỉ nhà trai đưa 10 tút là 100 cái, Đĩa nhà trai đưa 01 tút là 10 cái.

Anh Nh trình bày là giao 14 con heo là không đúng chỉ có 11 con trong đó 03 con mổ ăn tại bên nhà trai, 02 con anh em tôi mổ để chiêu đãi bà con bên nhà gái, 06 con thì ba anh em tôi mỗi người 02 con tặng cho bên nhà vợ của ba anh em tôi. Những tài sản như chiếu, chén, đĩa, dây mã não thì cụ thể anh Nh đưa bao nhiêu anh em tôi cũng không nhớ rõ. Những tài sản mà bên nhà trai và anh Nh tặng cho bên nhà gái như chiếu, ché, dây mã não, chén, thì anh em tôi cũng tặng cho bà con anh em họ hàng đến dự đám cưới hết rồi.

Nay anh Nh yêu cầu chị Ph, anh Arâl Bh1, Arâl Bh2 và Arát Bh3 trả của cải mà anh Nh và bên nhà trai đã tặng cho lúc tổ chức đám cưới, nếu không trả bằng tài sản và lễ vật như lúc tặng cho thì phải trả bằng tiền tổng cộng là 131.200.500 (*Một trăm ba mươi một triệu hai trăm nghìn năm trăm đồng*). Anh Arâl Bh1, Arâl Bh2 và Arát Bh3 không chấp nhận trả lại số tài sản như anh Nh yêu cầu vì số tài sản là do bên nhà trai và anh Nh tự nguyện tặng cho khi tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán.

Ngoài các ý kiến trên, anh Arâl Bh1, Arâl Bh2 và Arát Bh3 không có ý kiến gì thêm.

Đại diện VKSND huyện Tây Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. VKS đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS; các Điều 7, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm 7 Mục II “Danh mục tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng” ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu HĐXX sửa cụm từ 25 dây mã não xưa ở mục 09 Biên bản định giá tài sản ngày 01/10/2019 thành cụm từ 25 dây mã não ba chi.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A rất Thị Ph. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung chị Ph, anh Nh khai không có nên không xem xét. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại tài sản và lễ vật khi cưới của anh A rất Nh đối với chị Ph, anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Arát Thị Ph khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Arát Nh. Đây là tranh chấp ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, người phiên dịch có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh

Arát Bh3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Arát Bh3.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị Ph là do anh Arát Nh hay uống rượu và nghi ngờ chị ngoại tình với người khác từ đó hay đánh đập chị, chị khuyên nhiều lần nhưng anh Nh không thay đổi tính tình. Vào tháng 4 năm 2019 anh Nh đánh đập chị Ph nên chị bỏ nhà đi.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị Arát Thị Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A rất Nh.

Anh Arát Nh thì cho rằng, quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra những mâu thuẫn. Nguyên nhân từ việc chị Ph ngoại tình với người đàn ông khác khi đi làm công nhân ở khu công nghiệp Hòa Khánh. Anh Nh khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị Ph không nghe nên anh có đánh chị Ph mấy lần.

Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Ph yêu cầu ly hôn thì anh Arát Nh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Nhưng nếu chị Ph cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

HDXX xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã hoà giải để vợ chồng chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng chị Arát Thị Ph vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh A rất Nh. Anh Arát Nh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng anh lại không thể hiện ý chí và trao đổi bàn bạc với chị Ph mà còn có ý kiến nếu chị Ph cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2019, đại diện Ban nhân dân thôn AC, xã An, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xác nhận: “chị Ph và anh Nh thường xuyên cãi nhau, anh Nh có đánh chị Ph vào tháng 4 năm 2019 thì chị Ph bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không về lại nhà nên mâu thuẫn của vợ chồng chị Ph khá gay gắt, khó hòa giải được”.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã được hoà giải nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của chị Ph xin ly hôn với anh Nh là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về của cải và lễ vật đã tặng cho khi tổ chức đám cưới:

Anh A rất Nh yêu cầu chị Ph và các anh Arát Bh1, Arát Bh2, Arát Bh3 phải trả lại tài sản và lễ vật gồm:

Heo 14 con, trong đó loại 60kg là 08 con, loại 50 kg là 06 con, Bò cái 01 con, Chiêng xưa 01 cái, Ché thường 24 cái, Ché ba chi loại lớn 01 cái, Ché ba chi loại nhỏ 01 cái, Chum xưa 01 cái. Chiếu nhựa 80 cái, Dây mã não ba chi 25 dây, Dây mã não thường 100 dây, Chén ba chi 750 cái, Chén loại thường 400 cái, Đĩa loại thường 200 cái. Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự đã định giá tài sản tranh chấp có giá trị là: 131.200.500 (Một trăm ba mươi một triệu hai trăm nghìn năm trăm đồng). Nếu không trả lại bằng tài sản và hiện vật thì yêu cầu chị

Ph và ba anh trai của chị Ph là anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3 phải trả cho anh Arát Nh 131.200.500 (*Một trăm ba mươi một triệu hai trăm nghìn năm trăm đồng*).

Chị Ph, anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3 thì cho rằng những tài sản đó là lễ vật đám cưới theo phong tục tập quán của đồng bào tại địa phương các anh, chị đã sử dụng hết và tặng cho lại người khác theo phong tục tập quán nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh A rất Nh.

HĐXX xét thấy: Việc đòi lại tài sản của anh A rất Nh đối với chị Ph, anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3 được quy định tại Điều 7 luật HNGĐ năm 2014 và Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại Điều 2, 3, 4, 5 của Nghị định cũng đã khẳng định: Tập quán được áp dụng phải là quy tắc xử sự phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc áp dụng tập quán phải tuân theo các điều kiện được quy định tại Điều 7 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình là tập quán trái với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 2 của Luật Hôn nhân và gia đình hoặc vi phạm điều cấm quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng. Trong đó, tại Mục II quy định: Các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng có điểm 7 quy định: Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ chồng ly hôn.

Căn cứ vào các quy định trên, thì việc anh A rất Nh đòi lại lễ vật khi cưới chị Ph là không có căn cứ. Do đó, HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại tài sản và lễ vật khi cưới của anh A rất Nh đối với chị Ph, anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3 là phù hợp.

[6] Về án phí: Chị Ph, anh A rất Nh là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cá nhân thuộc hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7, 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 2, 3, 4, 5 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm 7 Mục II “Danh mục tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng” ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A rất Thị Ph.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị A rất Thị Ph được ly hôn với anh A rất Nh.

2- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

3- Về nợ chung: không có.

4- Về của cải và lễ vật đã tặng cho khi tổ chức đám cưới: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại tài sản và lễ vật khi cưới của anh A rất Nh đối với chị Ph, anh Arâl Bh1, anh A râl Bh2, Arát Bh3.

5- Về án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Arát Thị Ph và anh A rất Nh.

Hoàn trả lại cho chị Arát Thị Ph số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004086 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hân